

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN

SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

.....& ☐ &.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....& ☐ &.....



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I/2014

SaPa, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Bảng cân đối kế toán

Ngày 15 tháng 04 năm 2014

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ hợp nhất	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	...	51.203.108.180	63.220.522.334
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	...	8.187.180.266	4.715.785.735
1. Tiền	111	V.01	8.187.180.266	4.715.785.735
2. Các khoản tương đương tiền	112	...	0	0
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	V.02	0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	...	0	0
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	...	35.857.158.086	52.304.446.230
1. Phải thu khách hàng	131	...	8.258.606.008	13.541.938.223
2. Trả trước cho người bán	132	...	7.080.657.831	6.886.782.831
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...	0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...	0	0
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	20.517.894.247	31.875.725.176
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...	0	0
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	955.773.201	955.773.201
1. Hàng mua đang đi trên đường	141	V.04	0	0
2. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142	...	21.730.000	21.730.000
3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144	...	934.043.201	934.043.201
4. Hàng gửi bán	145	...	0	0
5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...	0	0
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	6.202.996.627	5.244.517.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	944.913.584	566.948.150
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	571.107.533	125.710.329
3. Chi phí chờ kết chuyển	153	...	0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	12.957.201	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	4.674.018.309	4.551.858.689
B. Tài sản dài hạn	200	...	1.098.655.879.706	1.093.351.334.111
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...	0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...	0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...	0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	...	0	0
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	1.090.159.118.572	1.086.834.042.825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	992.221.506.604	1.004.262.922.711
- Nguyên giá	222	...	1.104.524.972.566	1.104.524.972.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	225	...	(112.303.465.962)	(100.262.049.855)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	0	0
- Nguyên giá	225	...	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...	0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228	...	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	97.937.611.968	82.571.120.114
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	V.12	0	0
- Nguyên giá	241	...	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...	0	0
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...	5.600.000.000	5.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	...	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...	4.000.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	253	V.13	1.600.000.000	1.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	...	0	0
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	2.896.761.134	917.291.286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.846.946.134	882.328.336
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	...	49.815.000	34.962.950
	250	...	1.149.858.987.886	1.156.571.856.445

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ hợp nhất	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300	...	1.127.554.086.228	1.105.477.712.160
I. Nợ ngắn hạn	310	...	333.403.776.228	310.427.402.160
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	49.742.140.123	56.050.340.123
2. Phải trả người bán	312	...	168.413.367.785	154.246.662.920
3. Người mua trả tiền trước	313	...	0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.533.975.745	5.186.780.287
5. Phải trả công nhân viên	315	...	944.773.445	33.252.972
6. Chi phí phải trả	316	V.17	102.537.944.079	83.185.650.969
7. Phải trả nội bộ	317	...	0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...	0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8.231.575.051	11.724.714.889
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...	0	0
II. Nợ dài hạn	330	...	794.150.310.000	795.050.310.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...	0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333	...	0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	794.150.310.000	795.050.310.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...	0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	0	0
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	22.304.901.658	51.094.144.285
I. Vốn chủ sở hữu	410	...	22.304.901.658	51.094.144.285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	152.260.000.000	152.260.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...	0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...	(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...	0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...	0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...	0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	(127.433.398.342)	(98.644.155.715)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	...	0	0
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	...	0	0
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCE	433	...	0	0
	430		1.149.858.987.886	1.156.571.856.445

Ngày 15 tháng 04 năm 2014

Lập biểu

Kim Van Sy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Kim

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ hợp nhất	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300	...	1.127.554.086.228	1.105.477.712.160
I. Nợ ngắn hạn	310	...	333.403.776.228	310.427.402.160
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	49.742.140.123	56.050.340.123
2. Phải trả người bán	312	...	168.413.367.785	154.246.662.920
3. Người mua trả tiền trước	313	...	0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.533.975.745	5.186.780.287
5. Phải trả công nhân viên	315	...	944.773.445	33.252.972
6. Chi phí phải trả	316	V.17	102.537.944.079	83.185.650.969
7. Phải trả nội bộ	317	...	0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...	0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8.231.575.051	11.724.714.889
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...	0	0
II. Nợ dài hạn	330	...	794.150.310.000	795.050.310.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...	0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333	...	0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	794.150.310.000	795.050.310.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...	0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	0	0
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	22.304.901.658	51.094.144.285
I. Vốn chủ sở hữu	410	...	22.304.901.658	51.094.144.285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	152.260.000.000	152.260.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...	0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...	(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...	0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...	0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...	0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	(127.433.398.342)	(98.644.155.715)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	...	0	0
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	...	0	0
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...	0	0
	430		1.149.858.987.886	1.156.571.856.445

Ngày 15 tháng 04 năm 2014

Lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Kim

Www.123.com

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý I Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.181.947.431	109.093.065.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	13.181.947.431	109.093.065.818
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15.030.993.558	69.456.858.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.849.046.127)	39.636.207.167
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.848.453	19.147.590
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.259.350.498	107.962.107.228
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.186.959.776	107.523.984.852
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.655.775.671	9.337.640.440
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.761.323.843)	(77.644.392.911)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	155.168.815	13.149.217.197
12. Chi phí khác	32	VI.7	183.087.599	6.980.357.824
13. Lợi nhuận khác	40		(27.918.784)	6.168.859.373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(28.789.242.627)	(71.475.533.538)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(28.789.242.627)</u>	<u>(71.475.533.538)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		-

Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Tổng Giám đốc

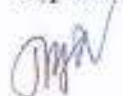
Nguyễn Thanh Kim

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
QUÝ I NĂM 2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lưu kế đến kỳ trước	Kỳ này hợp nhất
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		...		
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	...	20.109.589.488	20.109.589.488
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	...	(9.744.922.608)	(9.744.922.608)
- Tiền chi trả cho người lao động	03	...	(1.183.048.329)	(1.183.048.329)
- Tiền chi trả lãi vay	04	...	(5.834.666.666)	(5.834.666.666)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	...	0	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	...	30.735.496.214	30.735.496.214
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	...	(29.713.902.021)	(29.713.902.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.368.546.078	4.368.546.078
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		...	0	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	2.848.453	2.848.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.848.453	2.848.453
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		...	0	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	(900.000.000)	(900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(900.000.000)	(900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50		3.471.394.531	3.471.394.531
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.715.785.735	4.715.785.735
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...	0	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	8.187.180.266	8.187.180.266

Ngày 15 tháng 04 năm 2014

Lập biểu



Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thanh Kim

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ – HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và cung cấp điện thương phẩm
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 Công ty có 90 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 93 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mục và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mục và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mục kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mục kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mục và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dâng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Công ty đã đưa 3 tổ máy của nhà máy thủy điện Sứ Pán 2 vào hoạt động. Nguyên giá của các tài sản liên quan tới hoạt động của 3 tổ máy này được tạm tính theo giá trị dự toán nên có thể thay đổi khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	6

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bản thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2014 : 21.085 VND/USD

31/12/2013 : 21.085 VND/USD

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Tiền mặt	6.909.668.066	2.668.811.469
Tiền gửi ngân hàng	1.277.512.200	2.046.974.266
Cộng	<u>8.187.180.266</u>	<u>4.715.785.735</u>

2. Phải thu khách hàng

Là khoản phải thu Công ty mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam về tiền bán điện

3. Trả trước cho người bán

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty Sông Đà	910.000.000	910.000.000
Công ty TNHH Phú Đức	3.254.230.876	3.254.230.876
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	865.821.581	755.821.581
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại TNG	150.000.000	150.000.000
Các đối tượng khác	1.900.605.374	1.816.730.374
Cộng	<u>7.080.657.831</u>	<u>6.886.782.831</u>

4. Các khoản phải thu khác

Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
---------------	------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sapa về tiền bồi thường	17.565.791.788	17.565.791.788
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	2.508.945.456	2.508.945.456
Phải thu về chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	21.643.688	11.408.929.037
Phải thu tiền điện tại công trường	16.180.124	14.174.428
Phải thu khác	405.333.191	377.884.467
Cộng	<u>20.517.894.247</u>	<u>31.875.725.176</u>
5. Hàng tồn kho		
	<u>Số kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	21.730.000	21.730.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	934.043.201	934.043.201
Cộng	<u>955.773.201</u>	<u>955.773.201</u>
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Là chi phí bảo hiểm tài sản thuộc dự án Thủy điện Sứ Pán 2.		
7. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.674.018.309	4.551.858.689
Cộng	<u>4.674.018.309</u>	<u>4.551.858.689</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ – HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	733.043.970.943	366.725.158.367	4.277.075.304	478.767.952	1.104.524.972.566
Số đầu năm					
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành					
Tăng khác					
Giảm do TSCD không đủ điều kiện ghi nhận theo TT 45					
Giảm trong năm do thanh lý					
Số kỳ báo cáo	733.043.970.943	366.725.158.367	4.277.075.304	478.767.952	1.104.524.972.566
<i>Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		886.001.194	-	233.476.881	1.119.478.075
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	60.681.111.542	36.110.013.038	3.092.136.753	378.788.524	100.262.049.855
Tăng do khấu hao trong năm	7.330.439.709	4.578.422.691	121.439.583	11.114.124	12.041.416.107
Tăng khác					
Giảm do TSCD không đủ điều kiện ghi nhận theo TT 45					
Giảm trong năm do thanh lý					
Số kỳ báo cáo	68.011.551.251	40.688.435.729	3.213.576.336	389.902.648	112.303.465.962
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	672.362.859.401	330.615.145.329	1.184.938.551	99.979.428	1.004.262.922.711
Số kỳ báo cáo	665.032.419.692	326.036.722.638	1.063.498.968	88.865.304	992.221.506.604

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc dự án thủy điện Sừ Pán 2 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai có nguyên giá tạm tính và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 1.098.712.128.116 VND và 1.002.970.434.004 VND

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ – HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số kỳ báo cáo
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	2.508.649.482				2.508.649.482
<i>XDCB dở dang</i>	80.062.470.632	15.366.491.854			95.428.962.486
Dự án Sứ Phần 2	14.510.424.544	13.343.013.028			29.853.437.572
Dự án Sứ Phần 1	4.252.168.331				4.252.168.331
Dự án thủy điện Nậm Cùn	59.290.703.857	23.478.826			59.314.182.683
Dự án thủy điện tại Văn Bàn	2.009.173.900				2.009.173.900
Cộng	82.571.120.114	15.366.491.854			97.937.611.968

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đầu tư thực tế đến 31/03/2014
	Tỷ lệ	Số cam kết góp	
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên	40%	4.000.000.000	4.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên thì:

- Vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên là 2.750.000.000 đồng
- Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên là 1.250.000.000 đồng.

Phần vốn góp của cán bộ công nhân viên là 1.250.000.000 đồng được ủy thác cho Công ty và phản ánh ở chi tiêu "các khoản phải trả khác"

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai	1.600.000.000	1.600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai thì vốn điều lệ của Công ty này là 50.000.000.000 VND, trong đó, số vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên là 5.000.000.000 VND chiếm 10% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã góp 1.600.000.000 VND, số vốn còn phải góp là 3.400.000.000 VND.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số kỳ báo cáo
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư	868.688.668	-	72.390.722	796.297.946
Tài sản cố định		2.076.605.760	25.957.572	2.050.648.188
Công cụ dụng cụ	13.639.668		13.639.888	0
Cộng	882.328.336		111.987.962	2.846.946.134

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (Tổng Công ty Sông Đà)	21.323.940.123	21.323.940.123
Vay dài hạn đến hạn trả	28.418.200.000	34.726.400.000
Cộng	49.742.140.123	56.050.340.123

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Lãi nhập gốc</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kỳ báo cáo</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	21.323.940.123				21.323.940.123
Vay dài hạn đến hạn trả	34.726.400.000			6.306.200.000	28.418.200.000
Cộng	56.050.340.123			6.306.200.000	49.742.140.123

15. Phải trả người bán

	<u>Số kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong Tổng Công ty Sông Đà	131.176.469.928	115.055.425.863
Các đơn vị khác:		
Tổng Công ty Thủy điện thủy lợi Bắc Kinh	16.566.956.595	17.861.295.795
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	11.300.543.673	11.300.543.673
Công ty TNHH XNK Hoa Thắng	688.434.519	688.434.519
Công ty Cổ phần Thương mại Lạc Hồng	54.997.298	154.997.298
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng & Thương mại Tây Nguyên	966.949.985	1.066.949.985
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc	3.168.715.058	3.168.715.058
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống Miền Bắc	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Phương Mai	1.902.002.082	2.132.002.082
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	1.417.980.759	1.617.980.759
Công ty TNHH MTV ĐT&TM Nam Phát	160.517.670	190.517.670
Các đối tượng khác	739.800.217	739.800.218
Cộng	168.413.367.784	154.246.662.920

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số kỳ báo cáo</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.545.867.702	1.644.492.178	3.190.359.880	0

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số kỳ báo cáo
Thuế thu nhập cá nhân	20.121.255			20.121.255
Thuế tài nguyên	1.192.584.703	784.550.699	699.198.073	1.277.937.329
Các loại thuế khác	1.170.469.325			1.170.469.325
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.257.737.302	326.746.000	519.035.466	1.065.447.836
Cộng	5.186.780.287	2.756.211.418	4.408.593.419	3.533.975.745

17. Chi phí phải trả

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	101.689.238.274	82.336.945.164
Chi phí thi công công trình Thủy điện Sứ Pán 2	848.705.805	848.705.805
- Trạm OPY	23.705.805	23.705.805
- Mổ nẻo	825.000.000	825.000.000
Cộng	102.537.944.079	83.185.650.969

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Phải trả về BHXH, BHYT, BHTN		243.452.614
Kinh phí công đoàn	19.096.264	3.466.981
Phải trả Tổng công ty Sông Đà về tiền cung cấp dịch vụ	600.372.745	600.372.745
Vốn góp của cán bộ CNV để góp cổ phần vào Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng	1.250.000.000	1.250.000.000
Quỹ Sông Đà	201.975.737	239.775.737
Phải trả Công ty Bảo hiểm BIC về hỗ trợ khác phục sự cố năm 2010	5.500.000.000	5.500.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Năng lượng và môi trường RCEE	130.655.729	3.158.172.236
Phải trả khác	529.474.576	729.474.576
Cộng	8.231.575.051	11.724.714.889

19. Vay và nợ dài hạn

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai ⁰¹⁾	751.188.310.000	751.188.310.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁰¹⁾	39.962.000.000	39.962.000.000
Vay bà Nguyễn Thanh Huệ ^(a)	3.000.000.000	3.900.000.000
Cộng	794.150.310.000	795.050.310.000

⁰¹⁾ Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 và số 01/2013/HĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ngày 17 tháng 5 năm 2013 với tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 VND thời hạn là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản của Dự án thủy điện Sứ Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai) và Quyền sử dụng đất tại Dự án thủy điện Sứ Pán 2 của bên vay.

- iii) Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội ứng trước tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính số 08 – 2879 – 03332/HĐCTTC ngày 30 tháng 09 năm 2008. Máy móc thiết bị sẽ được Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên trực tiếp nhập khẩu theo hợp đồng số 01/2008/SDHL-IWHR ngày 12 tháng 5 năm 2008 ký giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên và Công ty Thủy điện Thủy lợi Bắc Kinh. Theo Phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 12 năm 2012 thì tổng số tiền đầu tư tài sản thuê tài chính là 44.442.884.743 VND. Sau khi hai bên chính thức ký hợp đồng thuê tài chính, khoản vay này sẽ được chuyển thành khoản nợ thuê tài chính. Hiện tại, hai bên chưa ký kết kế hoạch trả nợ đối với khoản vay này.
- iiii) Vay Bà Nguyễn Thanh Huệ dưới dạng hợp đồng ủy thác quản lý, đầu tư vốn với lãi suất thả nổi (dựa theo lãi suất do ngân hàng BIDV ban hành), điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm nhận vốn ủy quyền lần đầu là 15%, thời hạn vay 60 tháng (từ 24/6/2012 đến hết ngày 24/6/2017). Số tiền vay được hoàn trả 5 kỳ, 12 tháng/1 kỳ, thanh toán lần đầu vào ngày 24 tháng 6 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu bán điện của Nhà máy Thủy điện Sứ Pán 2 và tiền bồi thường của Công ty Cổ phần Thủy điện Sapa để hoàn trả.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	784.014.710.000	32.826.400.000	219.148.000.000	532.040.310.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.800.000.000	1.900.000.000	3.900.000.000	-
Cộng	789.814.710.000	34.726.400.000	223.048.000.000	532.040.310.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số kỳ báo cáo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai	751.188.310.000			751.188.310.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	39.962.000.000			39.962.000.000
Bà Nguyễn Thanh Huệ	3.900.000.000	900.000.000		3.000.000.000
Cộng	795.050.310.000	900.000.000		794.150.310.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ – HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	152.260.000.000	(2.521.700.000)	(27.179.292.173)	122.559.007.827
Lợi nhuận trong năm trước			(71.475.533.538)	(71.475.533.538)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn xây dựng cơ bản				
Tăng khác			10.669.996	10.669.996
Số cuối năm trước	152.260.000.000	(2.521.700.000)	(98.644.155.715)	51.094.144.285
Số dư đầu năm nay	152.260.000.000	(2.521.700.000)	(98.644.155.715)	51.094.144.285
Lợi nhuận năm nay			(28.789.242.627)	(28.789.242.627)
Tăng khác				
Số dư cuối năm nay	152.260.000.000	(2.521.700.000)	(127.433.398.342)	22.304.901.658

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số kỳ báo cáo	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	58.060.000.000	58.060.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	7.000.000.000	7.000.000.000
Công doanh ngành Xây dựng	5.000.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông	29.200.000.000	29.200.000.000
Cổ phiếu quỹ	(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
Cộng	149.738.300.000	149.738.300.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ – HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chu kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 25 tháng 11 năm 2011 thì tổng số vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 04 năm 2014, các cổ đông đã góp là 152.260.000.000 VND. Số vốn còn phải góp là 267.740.000.000 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.000.000	42.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.226.000	15.226.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.226.000	15.226.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	205.000	205.000
- Cổ phiếu phổ thông	205.000	205.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.021.000	15.021.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.021.000	15.021.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**21. Doanh thu**

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	13.181.947.431	109.093.065.818
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	13.181.947.431	109.093.065.818

(*) Là doanh thu bán điện thương phẩm

22. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Phí bảo vệ môi trường và thuế tài nguyên	1.111.296.699	7.314.927.749
Chi phí nhân công trực tiếp	1.308.548.424	6.060.368.356
Khấu hao Tài sản cố định	11.904.672.672	47.618.690.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.365.807	1.223.570.579
Chi phí bằng tiền khác	475.109.956	3.456.757.500
Giá vốn của điện thương phẩm	15.030.993.558	65.674.314.872
Khấu hao TSCĐ không sử dụng vào SXKD		1.878.434.341
Giá vốn hoạt động khác		1.904.109.438
Giá vốn hàng bán		69.456.858.651

23. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	25.186.959.776	107.523.984.852
Phân bổ Lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	72.390.722	289.562.890
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại công nợ		148.559.486
Cộng	<u>25.259.350.498</u>	<u>107.962.107.228</u>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.064.946.440	5.259.148.227
Chi phí vật liệu quản lý	49.602.064	310.323.542
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.092.273	175.526.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	126.062.784	464.051.134
Thuế, phí và lệ phí	28.397.415	67.150.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.339.327	1.052.918.074
Chi phí bằng tiền khác	158.335.368	2.008.522.565
Cộng	<u>1.655.775.671</u>	<u>9.337.640.440</u>

26. Thu nhập khác

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định		1.554.784.078
Thu bán điện tại công trường	1.823.360	1.657.600
Thu về chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	153.345.455	11.592.775.519
Thu nhập khác		
Cộng	<u>155.168.815</u>	<u>13.149.217.197</u>

27. Chi phí khác

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý		2.463.258.929
Chi phí tiền điện trong công trường	8.674.859	
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	115.000.000	4.424.033.450
Tiền phạt	59.412.740	65.652.098
Chi đầu tư xây dựng dự án gạch nung		27.413.347
Chi phí khác		
Cộng	<u>183.087.599</u>	<u>6.980.357.824</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LIÊN

Địa chỉ: Số 2 - đường Điện Biên Phủ - thị trấn Sapa - huyện Sapa - tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.789.242.627)	(71.475.533.538)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(28.789.242.627)	(71.475.533.538)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.021.000	15.021.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	_____	_____

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.021.000	15.021.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.021.000	15.021.000

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Kim